TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2022

"V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.
2. Bà Nguyễn Thị Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Tiến Sơn, xã Hợp Đức, huyện TY, tỉnh B. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tiến Sơn, xã Hợp Đức, huyện TY, tỉnh B. (Vắng mặt).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị T tại Việt Nam là thôn Tiến Sơn, xã Hợp Đức, huyện TY, tỉnh B. Hiện chị T đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Đinh Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2012 tại UBND xã Hợp Đức, huyện TY, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong thời gian đầu, những năm gần đây vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã không thể hàn gắn được, vợ chồng

không có tiếng nói chung. Đến năm 2020 chị T đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng ít liên lạc với nhau và cắt đứt mọi liên lạc từ đầu năm 2022. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, hôn nhân không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Định Thị Ngọc Vy, sinh ngày 20/5/2013 và Đinh Duy Hưng, sinh ngày 28/8/2015. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Vy và cháu Hưng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, anh T trình bày thêm: Hiện nay chị T đang đi lao động tại Đài Loan, tuy nhiên anh không còn liên lạc với chị T, gia đình chị T cũng không biết địa chỉ của chị T nên anh không biết địa chỉ cụ thể của chị T để cung cấp cho Tòa án.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T, không có bản tự khai, không có lời khai:

Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị T là bà Đỗ Thị C, sinh năm 1955, địa chỉ thôn Tân Lập, xã Ngọc Lý, huyện TY, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà C thông báo cho chị T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình theo yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T; yêu cầu chị T viết bản tự khai, lời khai gửi về cho Tòa án; yêu cầu bà C cung cấp địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua quá trình làm việc bà C cho biết: Chị T đi lao động tại Đài Loan từ năm 2020, chị T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình bà C qua mạng xã hội, bà C đã thông báo cho chị T biết việc anh T làm đơn ly hôn theo nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đề nghị chị T cung cấp địa chỉ nhưng chị T không cung cấp, bà C không có địa chỉ của chị T để cung cấp cho Tòa án. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay Tòa án nhân dân tỉnh B không nhận được bất kỳ văn bản ghi ý kiến nào của chị Nguyễn Thị T chuyển đến. Chính vì vậy trong hồ sơ vụ án không có văn bản ghi ý kiến của chị T đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đinh Văn T, biên bản lấy lời khai cháu Đinh Thị Ngọc Vy, biên bản làm việc với bà Đỗ Thị C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử**:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35;

điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Đinh Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đinh Thị Ngọc Vy, sinh ngày 20/5/2013 và Đinh Duy Hưng, sinh ngày 28/8/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Đinh Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đinh Văn T.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bà Đỗ Thị C là mẹ đẻ của chị T, bà C cho biết chị T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình bà C qua mạng xã hội, bà C đã thông báo cho chị T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý vụ án ly hôn giữa anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, chị T không cung cấp cho bà C địa chỉ của chị T ở nước ngoài nên bà C không có địa chỉ cụ thể của chị T để cung cấp cho Tòa án. Như vậy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Đinh Văn T có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ (Theo Công văn số 12401/QLXNC-P5 ngày 16/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin chị Nguyễn Thị T xuất cảnh ngày 29/10/2020, chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Chị T cư trú tại thôn Tiến Sơn, xã Hợp Đức, huyện TY, tỉnh B trước khi xuất cảnh ra nước ngoài. Do vậy, vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 24/10/2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện TY, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong thời gian đầu đến những năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã đến năm 2020 chị T đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đinh Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Anh T và chị T kết hôn ngày 24/10/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện TY, tỉnh B, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong thời gian đầu đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng độc lập về kinh tế. Xét thấy tình cảm giữa anh T và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T xử cho anh Đinh Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[**4] Về con chung**: Anh T và chị T có 02 con chung là Đinh Thị Ngọc Vy, sinh ngày 20/5/2013 và Đinh Duy Hưng, sinh ngày 28/8/2015. Hiện 02 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Vy và cháu Hưng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của anh Đinh Văn T, Hội đồng xét xử thấy cháu Vy và cháu Hưng hiện khỏe mạnh và phát triển bình thường, từ khi chị T đi nước ngoài hai cháu vẫn do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T đang lao động ở nước ngoài, không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Cháu Vy có nguyện vọng được sống cùng với anh T. Chính vì vậy, để đảm bảo điều kiện cho con chung được phát triển bình thường, tránh xáo trộn về cuộc sống cũng như học tập của các cháu nên cần giao cháu Vy và cháu Hưng cho anh T chăm sóc và nuôi dưỡng , giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế, cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về quyền, nghĩa vụ thăm nom con: Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Nguyễn Thị T về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh Đinh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Đinh Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đinh Thị Ngọc Vy, sinh ngày 20/5/2013 và Đinh Duy Hưng, sinh ngày 28/8/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Nguyễn Thị T về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000437 ngày 27/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND xã Hợp Đức, huyện TY;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hà

C

Nguy